

Số : 65 /QĐ-THVK

Mạo Khê, ngày 07 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2023 và tình hình thực hiện thu-chi dịch vụ, thu khác quý I năm 2023 của trường tiểu học Vĩnh Khê

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-PGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023”;

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách, tiền gửi tại Kho bạc nhà nước quý I năm 2023 và sổ kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2023 và tình hình thực hiện thu-chi dịch vụ, thu khác quý I năm 2023 của trường tiểu học Vĩnh Khê (đính kèm biểu số 03).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Thị Nguyệt

Đơn vị: TRƯỜNG TH VĨNH KHÊ
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 07 tháng 04 năm 2023

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023
VÀ THU-CHI DỊCH VỤ, THU KHÁC QUÝ I NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường tiểu học Vĩnh Khê công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi quý I (03 tháng năm 2023)/cả năm như sau:

ĐV tính: Đồng

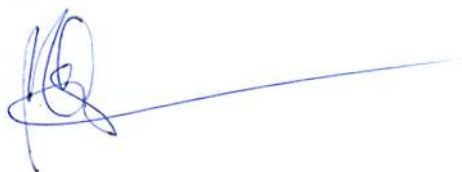
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý I năm 2023	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	
1	Học phí	0	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.605.000.000	2.093.884.546	21.80	
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.605.000.000	2.093.884.546	21.80	
	Trong đó:				
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>7.364.161.000</u>	<u>1.689.664.646</u>	<u>22.9</u>	
	Mục 6000	3.872.000.000	929.894.097	24.0	
	Mục 6050	60.000.000	0	-	
	Mục 6100	2.230.000.000	498.184.162	22.3	
	Mục 6200	28.161.000	0	-	

	Mục 6250	24.000.000	2.220.000	9.3	
	Mục 6300	1.150.000.000	251.887.187	21.9	
	Mục 6400	-	7.479.200		
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	2.020.839.000	340.679.900	16.9	
	Mục 6500	80.000.000	0	-	
	Mục 6550	195.839.000	38.220.000	19.5	
	Mục 6600	40.000.000	7.326.000	18.3	
	Mục 6650	10.000.000	0	-	
	Mục 6700	40.000.000	1.200.000	3.0	
	Mục 6750	110.000.000	25.568.400		
	Mục 6900	780.000.000	170.762.500	21.9	
	Mục 6950	50.000.000	0	-	
	Mục 7000	700.000.000	97.603.000	13.9	
	Mục 7050	15.000.000	0	-	
3	Các khoản chi khác	220.000.000	63.540.000	28.9	
	Mục 7750	220.000.000	63.540.000	28.9	
C	Thu, chi dịch vụ, thu khác				
I	Dư đầu kỳ (01/01/2023)		66.252.836		
1	Nguồn học Tiếng Anh NN		13.238.000		
2	Nguồn học giáo dục kỹ năng sống		30.607.979		
3	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu HS		22.406.857		
II	Tổng số thu	1.935.132.270	1.935.132.270	100	
II.1	Thu dịch vụ	933.176.100	933.176.100	100	
1	Nguồn Tin học	89.734.500	89.734.500	100	
2	Nguồn học Tiếng Anh NN	449.820.000	449.820.000	100	
3	Nguồn học Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2	50.197.500	50.197.500	100	

4	Nguồn trông trưa, quản lý HS bán trú	343.424.100	343.424.100	100	
II.2	Thu khác	1.001.956.170	1.001.956.170	100	
1	Nguồn thanh lý tài sản cố định	3.326.600	3.326.600	100	
2	Nguồn cấp dưỡng	208.528.400	208.528.400	100	
3	Nguồn thù lao BHYT học sinh	18.821.170	18.821.170	100	
4	Nguồn ăn bán trú học sinh	771.280.000	771.280.000	100	
III	Tổng số chi	1.965.740.249	1.910.899.557	97	
III.1	Chi dịch vụ	963.784.079	908.986.787	94	
1	Nguồn Tin học (Chi công GV dạy, quản lý, điện, thuế...)	89.734.500	79.547.890	89	
2	Nguồn học Tiếng Anh NN (Chi trả học phí công ty, công tác quản lý, trợ giảng, điện, thuế...)	449.820.000	432.535.658	96	
3	Nguồn học Tiếng Anh tự chọn lớp 1.2 (Chi công GV dạy, quản lý, thuế...)	50.197.500	43.705.650	87	
4	Nguồn học giáo dục kỹ năng sống (Chi tiền điện sáng)	30.607.979	9.773.489	32	
5	Nguồn trông trưa, quản lý HS bán trú (Chi trả tiền công trông trưa, công tác quản lý, thuế)	343.424.100	343.424.100	100	
III.2	Chi khác	1.001.956.170	1.001.912.770	99.99%	
1	Nguồn thanh lý tài sản cố định (Chi nộp ngân sách nhà nước)	3.326.600	3.326.600	100	
2	Nguồn cấp dưỡng (Chi trả tiền công cấp dưỡng)	208.528.400	208.485.000	99.98%	
3	Nguồn thù lao BHYT học sinh (Chi trả công tác thu nộp BHYT học sinh)	18.821.170	18.821.170	100	
4	Nguồn ăn bán trú học sinh (Chi trả tiền lương thực, thực phẩm, ga, xà phòng, điện, nước sạch...)	771.280.000	771.280.000	100	
III	Dư cuối kỳ (31/3/2023)		90.485.549		
1	Nguồn Tin học (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		10.186.610		
2	Nguồn học Tiếng Anh NN (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		30.522.342		

3	Nguồn học Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2 (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		6.491.850		
4	Nguồn học giáo dục kỹ năng sống (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		20.834.490		
5	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu HS (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		22.406.857		
6	Nguồn cấp dưỡng (tiền mặt)		43.400		

Lập biểu



Nguyễn Hương Bưởi

Mạo Khê, ngày 07 tháng 04 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Nguyệt